

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIỆT SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VIỆT SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET SON TRADE AND SERVICES INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VSSA CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110811201

**3. Ngày thành lập:** 12/08/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 21 ngõ 15 đường Hòa Bình, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912247687

Fax:

Email: vietsonn947@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh); Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác                                 | 5610        |
| 2.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng; Dịch vụ ăn uống khác                                                                                      | 5621        |
| 3.  | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                      | 5629        |
| 4.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán cà phê, giải khát; Dịch vụ phục vụ đồ uống khác                                                                                                                                                                                 | 5630        |
| 5.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự du lịch; Căn hộ du lịch ; nhà nghỉ du lịch; Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê; Bãi cắm trại du lịch                                                                                                        | 5510(Chính) |
| 6.  | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên; Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùm để nghỉ tạm; Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu                                                                                                   | 5590        |
| 7.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác | 4632        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống không có cồn;<br>Bán buôn đồ uống có cồn: hoạt động kinh doanh rượu: hoạt động bán buôn, bán lẻ rượu, hoạt động bán rượu tiêu dùng tại chỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4633 |
| 9.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào<br>Chi tiết: Mua bán sản phẩm thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4634 |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép<br>(Trừ kinh doanh quần trang)                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4641 |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu<br>(trừ kinh doanh trang thiết bị y tế) | 4649 |
| 12. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4721 |
| 13. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                        | 4722 |
| 14. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ không chứa cồn: Các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có gas như: Côca côla, pepsin côla, nước cam, chanh, nước quả khác                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4723 |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản; trừ kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5210 |
| 16. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định; kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng không theo tuyến cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4932 |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                               | 4753 |
| 19. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                   | 4759 |
| 20. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ đầu giá)<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                                                                                            | 4719 |
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ đầu giá)<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác                                          | 4711 |
| 22. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690 |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710 |
| 24. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                           | 8230 |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4773 |
| 26. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật)                                                                                  | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN VIỆT SƠN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/06/2002 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001202027466

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục CS Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đại Từ, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đại Từ, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/06/2002

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001202027466

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục CS quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Đại Từ, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đại Từ, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội